



VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH NHẪM THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRƯƠNG BÁ TUẤN

Bảo vệ môi trường đang là vấn đề được hầu hết các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm và dành nhiều nỗ lực để thực hiện. Đối với Việt Nam, bảo vệ môi trường và thúc đẩy tăng trưởng xanh là một chủ trương lớn được xác định trong nhiều chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của đất nước. Để thực hiện được các mục tiêu về bảo vệ môi trường, thúc đẩy tăng trưởng xanh đòi hỏi phải có sự kết hợp hiệu quả của nhiều chính sách khác nhau, trong đó không thể thiếu chính sách tài chính.

Từ khóa: Chính sách tài chính, bảo vệ môi trường, chính sách thuế

PROMOTING THE ROLE OF FINANCIAL POLICY IN IMPLEMENTING ENVIRONMENTAL PROTECTION GOALS

Trương Ba Tuan

Environmental protection is an issue that most countries particularly concern and make great efforts to implement. In Vietnam, environmental protection and green growth is a major policy identified in multiple medium and long-term development strategies and schemes. To achieve the goals of environmental protection and green growth, it requires an effective combination of different policies, in which financial policy is indispensable.

Keywords: Financial policy, environmental protection, policy

Ngày nhận bài: 6/6/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 20/6/2022

Ngày duyệt đăng: 23/6/2022

Vai trò của chính sách tài chính đối với bảo vệ môi trường

Ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2050 và Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường (BVMT) quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó, đã đề ra các mục tiêu, định hướng cụ thể liên quan đến công tác BVMT như: ngăn chặn xu hướng gia tăng ô

nhiễm, suy thoái môi trường; nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường; xây dựng nền kinh tế xanh, carbon thấp. Quốc hội cũng đã thông qua Luật BVMT số 72/2020/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, với nhiều biện pháp cải cách quan trọng trong chính sách về BVMT.

Để thực hiện được các mục tiêu về BVMT, thúc đẩy tăng trưởng xanh đòi hỏi phải có sự kết hợp hiệu quả của nhiều chính sách khác nhau đặc biệt là chính sách tài chính. Vai trò của chính sách tài chính đối với BVMT được thể hiện qua một số trụ cột cơ bản sau:

Thứ nhất, chính sách tài chính (CSTC) có thể sử dụng để điều chỉnh hành vi của nhà sản xuất và người tiêu dùng theo hướng sản xuất và tiêu dùng xanh, hạn chế phát thải ra môi trường (ví dụ đánh thuế cao đối với các sản phẩm hàng hóa khi sản xuất, sử dụng gây ô nhiễm môi trường). Đồng thời, thông qua chính sách tài chính (như đánh thuế thấp đối với các sản phẩm ít gây ô nhiễm), Nhà nước có thể khuyến khích người dân chuyển hướng sang việc tiêu dùng các loại hàng hóa thân thiện với môi trường, ít phát thải (ví dụ như ô tô điện, các loại bao bì dễ tiêu hủy, các sản phẩm hữu cơ). Ngoài ra, CSTC có thể được sử dụng để tạo ra các rào cản về kinh tế đối với những hành vi gây tổn hại cho môi trường như các hoạt động sử dụng công nghệ lạc lậu, tiêu tốn nhiều năng lượng (ví dụ như đánh thuế cao đối với phương tiện vận tải có dung tích xi lanh lớn hay có mức độ xả thải cao).

Thứ hai, thông qua CSTC có thể hình thành hệ thống động lực để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án ít gây ô nhiễm, sử dụng công

nghe tiên tiến, tiêu hao ít nhiên liệu, ít phát thải. Cụ thể, Chính phủ có thể áp dụng chính sách ưu đãi về miễn, giảm một số loại thuế, chính sách ưu đãi tín dụng cho các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường, qua đó, làm cho các dự án vì mục tiêu BVMT có được tính cạnh tranh cao hơn, lợi nhuận hấp dẫn hơn để thu hút các nhà đầu tư tham gia.

Thứ ba, CSTC vì mục tiêu BVMT khi được khai thác hiệu quả sẽ tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN). Thực tiễn ở một số quốc gia cũng như ở Việt Nam trong giai đoạn qua cho thấy, quá trình cải cách hệ thống chính sách thuế vì mục đích BVMT khi được xây dựng và thực thi hiệu quả, góp phần giúp tăng thu, cơ cấu lại nguồn thu NSNN theo hướng bền vững. Nguồn lực NSNN cùng với các nguồn vốn khác sẽ trở thành nguồn tài chính quan trọng để đầu tư cho các dự án tăng trưởng xanh, các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, BVMT, xử lý chất thải, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thứ tư, cùng với các công cụ chính sách khác, CSTC có thể góp phần khắc phục các “thất bại của thị trường”. Trong lĩnh vực quản lý môi trường, có nhiều trường hợp nếu không có sự can thiệp của Chính phủ, giá cả của một số loại hàng hóa trên thị trường có thể không phản ánh đầy đủ chi phí của việc tiêu dùng hàng hóa đó khi xét trên góc độ xã hội. Các phí tổn về môi trường do việc sản xuất, tiêu dùng các loại hàng hóa này gây ra không được phản ánh đầy đủ trong giá bán. Để khắc phục những thất bại thị trường này, cần phải có sự can thiệp của Nhà nước thông qua việc sử dụng các chính sách phù hợp, ví dụ, thông qua các chính sách thuế, phí được thiết kế phù hợp, như thuế BVMT, thuế carbon. Việc thực hiện các chính sách này sẽ tạo cơ hội để nhà sản xuất chuyển chi phí BVMT vào giá thành sản phẩm hàng hóa, từ đó, chuyển trách nhiệm BVMT gián tiếp cho người tiêu dùng những loại hàng hóa gây ô nhiễm theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

Hiện nay, việc sử dụng công cụ kinh tế dựa vào các quy luật của kinh tế thị trường kết hợp với các công cụ hành chính, kỹ thuật nhằm thực hiện các mục tiêu về BVMT, thúc đẩy tăng trưởng xanh ngày càng được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm. Trong đó, một số quốc gia xây dựng và áp dụng các loại thuế liên quan đến môi trường, ví dụ như thuế môi trường, thuế năng lượng, thuế đối với xe cơ giới, thuế carbon, thuế phát điện đối với sản xuất và phát điện sử dụng nguồn nhiên liệu không tái tạo như than đá, nhiên liệu từ dầu, khí thiên nhiên; thuế

tiêu thụ năng lượng đối với các sản phẩm khí ga, dầu và than đá; áp dụng thuế đối với bao bì nhằm giảm thiểu việc sử dụng bao bì và rác thải từ bao bì, đồng thời, có chính sách nhằm khuyến khích việc tái sử dụng và tái chế lại nguyên liệu đóng gói.

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai cho các dự án tăng trưởng xanh như áp dụng thuế suất ưu đãi, miễn, giảm thuế có thời hạn, áp dụng tín dụng ưu đãi cho các khoản vay phục vụ mục tiêu BVMT; có chính sách thúc đẩy sử dụng xe ô tô thân thiện môi trường thông qua việc miễn, giảm một số khoản thuế, phí như thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế đăng ký, phí sử dụng đường bộ... Nhiều quốc gia ưu tiên tăng chi ngân sách cho công tác BVMT, tăng chi cho các chương trình đầu tư để khuyến khích tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo.

Chính sách tài chính thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Ở Việt Nam, thúc đẩy BVMT được xác định là một trong những trụ cột quan trọng nhằm hướng đến các mục tiêu về phát triển bền vững. Cùng chung sức với cộng đồng quốc tế, tháng 12/2015, Việt Nam đã tham gia ký kết Thỏa thuận Paris về khí hậu (COP21). Tiếp đến, năm 2021, Việt Nam cam kết thực hiện đầy đủ các cam kết trong khung khổ COP26, đưa mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Để thực hiện các mục tiêu, định hướng đề ra trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước cũng như để thực hiện các cam kết quốc tế về BVMT, Việt Nam đã xây dựng và tổ chức thực hiện nhiều nhóm giải pháp khác nhau, trong đó những giải pháp về CSTC. Đến nay, có thể thấy, CSTC nhằm thực hiện các mục tiêu về BVMT ở Việt Nam được thực hiện khá đồng bộ, phù hợp với điều kiện của đất nước trong từng thời kỳ và thông lệ quốc tế, trong đó tập trung vào nhóm chính sách thuế, phí, chính sách chi NSNN và chính sách ưu đãi về tín dụng. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với chính sách thuế, kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, cải cách thuế luôn là một bộ phận không tách rời trong quá trình cải cách và chuyển đổi cơ chế kinh tế của Việt Nam, trong đó yêu cầu “xanh hóa” hệ thống chính sách thuế theo hướng gắn với việc BVMT, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng xanh đã trở thành một yêu cầu xuyên suốt. Đặc biệt, trong giai đoạn 10 năm qua, chính sách thuế BVMT, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế TTĐB và chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu từng bước được hoàn



thiện theo hướng chú trọng khuyến khích đầu tư, sản xuất theo công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, hạn chế việc tiêu thụ các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường có mức phát thải lớn.

Từ ngày 01/01/2012, việc thực hiện Luật Thuế BVMT số 57/2010/QH12 đã đánh dấu sự thay đổi căn bản trong cách thức tiếp cận về sử dụng các công cụ kinh tế cho mục tiêu BVMT ở Việt Nam. Luật Thuế BVMT số 57/2010/QH12 được ban hành với mục tiêu đánh thuế vào các hàng hóa mà việc sử dụng các hàng hóa này gây ô nhiễm môi trường. Thuế BVMT được xây dựng dựa trên nguyên tắc người nào sử dụng sản phẩm gây ô nhiễm phải nộp thuế, nhằm thay đổi nhận thức của người dân đối với môi trường; huy động thêm nguồn lực cho NSNN để đầu tư cho các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội và BVMT; đồng thời khuyến khích sử dụng nguồn tài nguyên của đất nước một cách tiết kiệm, hiệu quả.

Trong vòng 10 năm (2012-2021), số thu NSNN từ thuế BVMT đã tăng 4,8 lần. Đến năm 2021, số thu từ thuế BVMT ước chiếm khoảng hơn 4% tổng thu NSNN và thuế BVMT đang trở thành một sắc thuế quan trọng trong hệ thống chính sách thuế của Việt Nam từ góc độ tạo nguồn thu cho NSNN.

Cùng với đó, các chính sách liên quan đến thúc đẩy sản xuất xanh và tiêu dùng xanh cũng được xây dựng và tổ chức thực hiện khá đồng bộ, trong đó đã có các chính sách để thúc đẩy việc sử dụng các sản phẩm ít gây ô nhiễm môi trường. Từ ngày 01/4/2009, xe ô tô điện và ô tô chạy bằng năng lượng sinh học được áp dụng mức thuế suất thuế TTĐB thấp hơn đáng kể so với xe ô tô sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Xe ô tô chở người dưới 9 chỗ chạy bằng nhiên liệu hóa thạch có dung tích xi lanh lớn hơn đã phải chịu mức thuế suất thuế TTĐB cao hơn. Để thúc đẩy việc sử dụng xe điện, mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe điện chạy pin đã được điều chỉnh giảm giảm 3 đến 12 điểm phần trăm so với mức hiện hành nêu trên trong 5 năm từ ngày 01/3/2022 đến ngày 28/2/2027. Theo đó, thuế suất thuế TTĐB của xe ô tô điện chạy bằng pin, loại chở người từ 9 chỗ trở xuống từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 28/02/2027 là 3%; từ ngày 01/3/2027 mức thuế suất áp dụng mới là 11%, thấp hơn nhiều lần so với xe ô tô chở người chạy bằng nhiên liệu hóa thạch.

Cùng với đó, hệ thống các chính sách ưu đãi để thúc đẩy sản xuất xanh cũng được sửa đổi, bổ sung. Trong đó, pháp luật về thuế TNDN hiện hành quy định ưu đãi thuế suất 10% cho suốt đời dự án đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi

trường; miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo đối với các doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực môi trường. Ngoài ra, pháp luật về thuế TNDN cũng đã có quy định miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải...

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 đã quy định về miễn thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật liệu sử dụng trực tiếp trong việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Các sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải cũng được miễn thuế xuất khẩu. Để giảm thiểu tác động môi trường, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành cũng đã quy định áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu cao đối với các mặt hàng là tài nguyên khoáng sản chưa qua chế biến khi xuất khẩu.

Thứ hai, chính sách chi NSNN được chú trọng theo hướng ưu tiên cho các chương trình, dự án liên quan đến BVMT. NSNN bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường không thấp hơn 1% tổng chi NSNN hàng năm. Ngoài ra, nguồn lực từ NSNN cũng được sử dụng để đầu tư cho một số công trình cơ sở hạ tầng quan trọng nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện các mục tiêu về tăng trưởng xanh. Cùng với đó, chính sách mua sắm công xanh cũng từng bước được xây dựng và triển khai áp dụng; khuyến khích việc mua sắm các sản phẩm tiết kiệm, tiêu hao ít năng lượng và thân thiện với môi trường.

Thứ ba, đã triển khai một số cơ chế chính sách về tín dụng ưu đãi đối với các dự án liên quan đến BVMT, tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo thông qua Quỹ BVMT Việt Nam, Ngân hàng phát triển Việt Nam và các quỹ đầu tư phát triển địa phương. Cùng với đó, các cơ chế chính sách để đa dạng hóa nguồn lực, thúc đẩy sự tham gia của tư nhân vào các dự án BVMT cũng đã được xây dựng và tổ chức thực hiện.

Vấn đề đặt ra và định hướng hoàn thiện chính sách tài chính nhằm thúc đẩy bảo vệ môi trường

Có thể thấy, các chính sách tài chính nhằm BVMT ở Việt Nam đến nay đã được ban hành khá đầy đủ, đóng góp tích cực trong quá trình thực hiện các mục tiêu về BVMT, thúc đẩy phát triển bền vững của đất nước. Đặc biệt, quá trình “xanh

hóa” hệ thống chính sách thuế của Việt Nam giai đoạn vừa qua đã góp phần hình thành nên các khung khổ pháp lý khá đồng bộ, phát huy được vai trò của từng chính sách thuế, phí trong việc thực hiện các mục tiêu về BVMT. Việc sử dụng các công cụ chính sách thuế vì mục tiêu BVMT ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế, đúng bản chất hơn, qua đó, tạo nền tảng cho việc thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”; hình thành nên hệ thống động lực để thúc đẩy sản xuất xanh và tiêu dùng xanh và hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia vào các dự án BVMT, sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Đặc biệt, việc thực hiện các chính sách này đã tạo thêm nguồn lực cho NSNN, cùng với các nguồn lực khác đáp ứng tốt hơn các nhu cầu chi ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có việc thực hiện các mục tiêu về BVMT.

Tuy nhiên, thực trạng thực hiện các cơ chế, chính sách tài chính cho mục tiêu BVMT, thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam thời gian qua cũng đã chỉ ra một số vấn đề cần được nhận diện để tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới. Hệ thống công cụ kinh tế cho mục tiêu BVMT còn chưa thực sự đồng bộ, chưa đủ mạnh để điều tiết hiệu quả hành vi đầu tư, tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế. Mức độ điều tiết của một số sắc thuế vì mục tiêu BVMT chưa đủ lớn để có tác động làm thay đổi nhận thức và hành vi của người dân và doanh nghiệp trong việc BVMT, chuyển sang tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Mức thu của một số loại hàng hóa gây ô nhiễm môi trường còn thấp, thậm chí là không đáng kể, ví dụ như đối với túi ni lông. Một số sản phẩm, hàng hoá mà việc sử dụng có khả năng gây ô nhiễm môi trường nhưng lại chưa được đưa vào diện điều chỉnh của chính sách thuế BVMT.

Chính sách thuế BVMT phải trở thành giải pháp tài chính chủ yếu để giảm ô nhiễm môi trường, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH theo hướng bền vững, đồng thời tạo điều kiện cho NSNN có thêm nguồn lực để đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi của NSNN, trong đó có nguồn lực để chi cho công tác BVMT. Hiện nay, thuế BVMT mới thu vào 8 nhóm mặt hàng chịu thuế nhưng trên thực tế vẫn còn những sản phẩm là những tác nhân gây ô nhiễm môi trường nhưng hiện không thuộc đối tượng chịu thuế BVMT. Bên cạnh đó, chính sách thu phí BVMT đối với khí thải mặc dù đã được đặt ra trong Luật BVMT từ năm 2014 nhưng đến nay vẫn chưa được triển khai.

Hoạt động tín dụng xanh mới chỉ được quan

tâm trong những năm gần đây, chưa được triển khai rộng rãi do khung pháp lý hỗ trợ thực hiện tín dụng xanh còn chưa đồng bộ. Việc triển khai các cơ chế, chính sách để đa dạng hóa nguồn lực cho công tác BVMT còn chưa đem lại hiệu quả cao. Quá trình thực hiện giai đoạn vừa qua cho thấy, nguồn lực để thực hiện các mục tiêu về BVMT, thúc đẩy phát triển bền vững vẫn chủ yếu là nguồn lực công, vai trò của nguồn lực tư nhân trong việc thực hiện các mục tiêu này còn khá hạn chế. Nguồn lực tài chính nhà nước hạn hẹp nhưng phân bổ còn dàn trải, đồng thời, chưa phát huy có hiệu quả vai trò “vốn mồi” để tạo môi trường thu hút sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế khác trong việc thực hiện các mục tiêu về BVMT.

Trong thời gian tới, để khắc phục được những vấn đề trên, việc tiếp tục cải cách hệ thống các công cụ chính sách tài chính vì mục tiêu BVMT phải được xem là một trong những định hướng cần ưu tiên. Trong đó, cải cách các chính sách thuế, phí để thực hiện các mục tiêu về BVMT thời gian tới cần xử lý được 2 yêu cầu sau một cách hài hòa: (i) Có hiệu quả trong việc khuyến khích hỗ trợ các hành vi tốt, hướng đến sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, ít phát thải; (ii) Hạn chế hành vi gây tác hại cho môi trường theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm” phải trả tiền. Cùng với đó, cần có cơ chế phù hợp để huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực của đất nước cho mục tiêu BVMT. Một số nội dung cụ thể cần thực hiện như:

Thứ nhất, rà soát tổng thể các chính sách thuế liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu về BVMT, nhất là chính sách thuế BVMT, thuế TTĐB. Nghiên cứu để mở rộng đối tượng chịu thuế BVMT nhằm bao phủ được các nguồn gây hại cho môi trường. Thuế BVMT cần hướng đến các chủ thể gây ô nhiễm, các hành vi ô nhiễm chính xác nhất, bao quát được các nguồn gốc ô nhiễm. Ở Việt Nam, mặc dù thuế BVMT được xác định là thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường nhưng trên thực tế còn có những sản phẩm, hàng hoá có mức độ gây ô nhiễm trên diện rộng lại chưa được quy định thuộc đối tượng chịu thuế, ví dụ như phân bón hóa học, chất tẩy rửa, khí than, khí tự nhiên... Đồng thời, cần nghiên cứu để quy định mức thuế phù hợp đối với các loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế BVMT, đảm bảo thực hiện hiệu quả nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

Rà soát để điều chỉnh mức thuế suất thuế TTTB đối với xăng sinh học và các loại xe thân thiện với môi trường để thúc đẩy việc sử dụng các sản phẩm này. Trong đó, chính sách ưu đãi về thuế TTĐB đối

với xe ô tô thân thiện môi trường cần được xác định dựa trên mức độ phát thải, mức độ gây ô nhiễm môi trường của từng loại xe, trong đó xe ô tô chạy hoàn toàn bằng điện (pin) cần có sự ưu đãi cao hơn các chủng loại xe khác.

Thứ hai, rà soát tổng thể hệ thống các chính sách ưu đãi về thuế, thu hẹp các chính sách ưu đãi không hiệu quả để dành sự ưu tiên lớn hơn cho các dự án về BVMT, thúc đẩy tăng trưởng xanh. Đây là những lĩnh vực khi được đầu tư sẽ tạo ra các “ngoại ứng tích cực” cho nền kinh tế trong việc thực hiện các mục tiêu về BVMT. Chính sách ưu đãi thuế cần phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc chung của thương mại và đầu tư quốc tế, tôn trọng các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia; đảm bảo không có sự phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, giữa sản phẩm sản xuất trong nước và sản phẩm nhập khẩu, phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, chính sách ưu đãi thuế phải minh bạch, theo các tiêu chí rõ ràng, trên cơ sở “thưởng cho người làm tốt” và dựa theo nguyên tắc thị trường.

Thứ ba, nghiên cứu để sớm triển khai chính sách thu phí BVMT đối với khí thải. Theo quy định của Luật BVMT số 72/2020/QH14 thì phí BVMT được áp dụng đối với hoạt động xả thải ra môi trường; khai thác khoáng sản hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường. Tại danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí số 97/2014/QH13 có phí BVMT đối với khí thải. Như vậy, căn cứ pháp lý cho việc thu phí BVMT đối với khí thải đã được quy định tại Luật BVMT số 72/2020/QH14 và Luật Phí, lệ phí số 97/2014/QH13. Việc xây dựng chính sách thu cụ thể thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ nên cần sớm nghiên cứu trình Chính phủ ban hành chính sách để tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, với sự hiện diện của chính sách thuế BVMT hiện hành thì trong việc xây dựng phương án thu phí BVMT đối với khí thải cần phải xác định đối tượng và mức điều tiết phù hợp để một mặt góp phần thực hiện các mục tiêu về BVMT nhưng đồng thời không tạo ra các gánh nặng quá lớn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, nghiên cứu để điều chỉnh tăng khung thuế suất thuế tài nguyên đối với một số loại tài nguyên không tái tạo để một mặt khuyến khích khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, mặt khác tạo nguồn thu cho NSNN để đáp ứng các nhu cầu chi đang đặt ra, trong đó có nhiệm vụ chi cho công tác BVMT. Đồng thời, rà soát để áp dụng chính sách thuế xuất khẩu ở mức đủ cao để hạn chế hiệu

quả việc xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô chưa qua chế biến, nhất là các loại tài nguyên, khoáng sản không tái tạo cần giữ lại cho sản xuất trong nước.

Thứ năm, tiếp tục ưu tiên đầu tư nguồn lực từ NSNN cho công tác BVMT. Cùng với đó, đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu về BVMT, thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp của Nhà nước; hoàn thiện khung khổ pháp lý để thúc đẩy sự phát triển của tín dụng xanh, thị trường trái phiếu xanh để thu hút nguồn lực xã hội cho các chương trình, dự án xanh; phát huy hiệu quả của chính sách tín dụng ưu đãi nhà nước trong thu hút nguồn lực của khu vực tư nhân để đầu tư cho các dự án liên quan đến BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu.

Kết luận

Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã hình thành được một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá đầy đủ về BVMT, từng bước phát huy được vai trò của các công cụ chính sách tài chính trong việc thực hiện các mục tiêu về BVMT. Tuy nhiên, thực tiễn những năm gần đây cho thấy, việc thực hiện các chính sách này cũng đang bộc lộ một số vấn đề cần được nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu và bối cảnh mới. Để phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống chính sách tài chính trong việc BVMT, Việt Nam cần xây dựng một lộ trình cụ thể để sửa đổi, bổ sung các chính sách tài chính có liên quan để, hình thành cho được các “động cơ”, “động lực” đủ mạnh để thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của doanh nghiệp và người dân trong việc hướng đến các mục tiêu BVMT đề ra. 

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2020), Luật BVMT số 72/2020/QH14;
2. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2050;
3. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
4. Lê Quang Thuận (2017), “Sử dụng công cụ thuế để BVMT hướng tới phát triển bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Hoàn thiện chính sách thuế, phí BVMT”, tháng 7/2017;
5. Cottrell, J và các cộng sự (2016). “Environmental Tax Reform in Developing, Emerging and Transition Economies”. German Development Institute.

Thông tin tác giả:

Trương Bá Tuấn
Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính
Email: truongbatuan@yahoo.com